

## MẶT THỂ HIỆN BẢN THÂN TRONG TRÍ TUỆ XÃ HỘI CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

KIỀU THỊ THANH TRÀ\*

### TÓM TẮT

*Bài viết đề cập kết quả khảo sát mặt thể hiện bản thân – một mặt của trí tuệ xã hội (TTXH), của 577 sinh viên (SV) Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSPTPHCM). Kết quả nghiên cứu cho thấy biểu hiện thể hiện bản thân của SV Trường ĐHSPTPHCM không đồng đều, phần lớn tập trung ở mức trung bình (TB). Bên cạnh đó, bài viết cũng đề xuất một số biện pháp nhằm giúp SV có ý thức rèn luyện khả năng thể hiện bản thân.*

**Từ khóa:** thể hiện bản thân, trí tuệ xã hội, sinh viên, sinh viên sư phạm.

### ABSTRACT

#### *Self – expression as a part of social intelligence of students in Ho Chi Minh City University of Education*

*The aim of this article introduces the findings of a study on 577 students of HCMC University of Education about their self – expression ability as a part of social intelligence. The findings show that students’ self - expression levels are not equal and most of them are at the medium level. This article also makes some suggestions to help students to improve their self – expression ability.*

**Keywords:** self – expression, social intelligence, students, students of pedagogy.

### 1. Đặt vấn đề

Trong những năm gần đây, TTXH được các nhà tâm lí học khẳng định giữ vai trò quan trọng đối với thành công của cá nhân trong cuộc sống [1], [5]. Theo Karl Albrecht: “TTXH chính là khả năng thiết lập, duy trì mối quan hệ tốt đẹp với người khác và khiến cho họ sẵn sàng hợp tác” [4, tr.3]. Trong mô hình 5 thành tố do Karl Albrecht đề xuất, khả năng thể hiện bản thân được xem là một thành phần quan trọng của trí tuệ xã hội. Thể hiện bản thân được hiểu là “*khả năng thể hiện, xây dựng hình ảnh bản thân một*

*cách hiệu quả, phù hợp với các tình huống tương tác xã hội*” [4, tr.29]. Việc thể hiện bản thân một cách phù hợp trong từng môi trường, hoàn cảnh xã hội cụ thể là vô cùng quan trọng. SV phải nhận thức được điểm mạnh và giới hạn của bản thân, hiểu biết rõ ràng về khả năng và giá trị của chính mình, luôn làm chủ bản thân. Từ đó, cá nhân biết cách thể hiện bản thân thông qua ngôn ngữ, biểu hiện phi ngôn ngữ... một cách phù hợp với hoàn cảnh, vai trò của mình trong quá trình tương tác với cá nhân khác để đạt được hiệu quả, hoàn thành nhiệm vụ [2,

\* ThS, Trường Đại học Sư phạm TPHCM

tr.14-17,34]. Đặc biệt, SV sư phạm với tư cách là những giáo viên trong tương lai, phải luôn chú ý đến việc đảm bảo tính “mô phạm”, gương mẫu trong cách thức thể hiện bản thân, từ trang phục, ngoại hình, đến lời nói, hành vi, cử chỉ... thể hiện sự chân thành, trung thực, có văn hóa, phù hợp các chuẩn mực đạo đức đối với những người xung quanh, thầy cô, bạn bè, đồng nghiệp và học sinh. [3]

Vì vậy, bên cạnh kiến thức chuyên môn, SV sư phạm cần được rèn luyện và phát triển TTXH nói chung, khả năng thể hiện bản thân nói riêng để thích ứng với nghề nghiệp trong tương lai. Trên thực tế, khả năng này của SV sư phạm hiện nay đang

ở mức độ nào, có đáp ứng được yêu cầu nghề nghiệp hay không... là những vấn đề cần được quan tâm nghiên cứu.

## 2. Thể thức nghiên cứu

### 2.1. Dụng cụ nghiên cứu

Mặt thể hiện bản thân trong TTXH của SV Trường ĐHSPTPHCM được khảo sát dựa trên 2 nhóm câu hỏi: Nhóm A gồm các câu hỏi tự đánh giá (điểm tương ứng từ 1 đến 5); nhóm B gồm một số tình huống (điểm tương ứng từ 1 đến 3). Độ tin cậy của thang đo là 0,867.

Kết quả thu được ở từng câu hỏi được quy đổi thành các mức độ tương ứng:

*Bảng 1. Phân chia mức độ biểu hiện ở mặt thể hiện bản thân*

	<b>Mức 1 (Rất thấp)</b>	<b>Mức 2 (Thấp)</b>	<b>Mức 3 (TB)</b>	<b>Mức 4 (Khá)</b>	<b>Mức 5 (Cao)</b>
Nhóm A	1 đến cận 1,8	1,8 đến cận 2,6	2,6 đến cận 3,4	3,4 đến cận 4,2	4,2 đến 5
Nhóm B	1 đến cận 1,4	1,4 đến cận 1,8	1,8 đến cận 2,2	2,2 đến cận 2,6	2,6 đến 3

### 2.2. Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu gồm 577 SV từ năm 1 đến năm 4 hệ sư phạm chính quy, Trường ĐHSPTPHCM, năm học 2012 – 2013.

## 3. Kết quả nghiên cứu mặt thể hiện bản thân trong trí tuệ xã hội của sinh viên Trường Đại học Sư phạm TPHCM

### 3.1. Thông qua nhóm câu hỏi tự đánh giá (xem bảng 2)

**Bảng 2.** Kết quả mặt thể hiện bản thân của SV trường ĐHSPTPHCM thông qua nhóm câu hỏi tự đánh giá

Biểu hiện	TB	ĐLC	Mức độ	Thứ bậc
A1. Tôi cố gắng điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với hoàn cảnh, người cùng giao tiếp	3,44	1,104	Khá	1
A2. Tôi luôn sống đúng với những giá trị mà tôi đã lựa chọn	3,44	1,079	Khá	1
A3. Tôi luôn cân nhắc xem hành vi và lời nói của tôi có ảnh hưởng như thế nào với người khác	3,38	1,107	TB	3
A4. Tôi nhận thức được vị trí và vai trò của mình trong nhóm, tập thể	3,19	1,181	TB	4
A5. Tôi luôn thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh	3,08	0,959	TB	5
A6. Tôi làm chủ được các biểu hiện phi ngôn ngữ của mình	3,06	1,185	TB	6
A7. Tôi luôn thể hiện bản thân phù hợp với tình huống giao tiếp	3,02	1,077	TB	7
A8. Tôi luôn suy nghĩ kỹ càng trước khi hành động	2,96	1,078	TB	8
A9. Tôi luôn tạo được ấn tượng tốt với người khác	2,90	1,109	TB	9
A10. Tôi sử dụng các phương tiện giao tiếp một cách hiệu quả	2,88	0,941	TB	10

Ở mặt thể hiện bản thân, có hai biểu hiện cùng có điểm TB cao nhất là “cố gắng điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với hoàn cảnh, người cùng giao tiếp” (TB=3,44; ĐLC=1,104), “luôn sống đúng với những giá trị mà tôi đã lựa chọn” (TB=3,44; ĐLC=1,079), thuộc mức khá. Kết quả này cho thấy đa số SV đã có ý thức thể hiện bản thân phù hợp với hoàn cảnh, với hệ thống giá trị của bản thân.

Từ vị trí thứ 3 đến 9 lần lượt là các biểu hiện thuộc mức TB, bao gồm: “luôn

cân nhắc xem hành vi và lời nói của tôi có ảnh hưởng như thế nào với người khác” (TB=3,08; ĐLC=1,107), “nhận thức được vị trí và vai trò của mình trong nhóm, tập thể” (TB=3,19; ĐLC=1,181), “luôn thể hiện cảm xúc của bản thân phù hợp với hoàn cảnh” (TB=3,08; ĐLC=0,959), “làm chủ được các biểu hiện phi ngôn ngữ” (TB=3,06; ĐLC=1,185), “luôn thể hiện bản thân phù hợp với tình huống giao tiếp” (TB=3,02; ĐLC=1,077), “luôn suy nghĩ kỹ càng trước khi hành động” (TB=2,96;

ĐLC=1,087) và “luôn tạo được ấn tượng tốt với người khác” (TB=2,90; ĐLC=1,109).

Biểu hiện xếp ở vị trí thứ 10 có điểm TB thấp nhất là “sử dụng các phương tiện giao tiếp một cách hiệu quả” (TB=2,88; ĐLC=0,941). Nhìn chung, SV Trường ĐHSPTPHCM chưa có khả năng sử dụng linh hoạt các phương tiện để đạt hiệu quả giao tiếp.

Kết quả khảo sát mặt thể hiện bản thân thông qua nhóm câu hỏi tự đánh giá

cho thấy SV Trường ĐHSPTPHCM có điểm số khá tích cực ở 2/10 biểu hiện thể hiện khả năng nhận thức về giá trị, hành vi của bản thân. Tuy nhiên, 8/10 biểu hiện còn lại chỉ ở mức TB cho thấy SV chưa thực sự thể hiện bản thân thông qua ngôn ngữ, biểu hiện phi ngôn ngữ... một cách chủ động và hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh để tạo ấn tượng tốt đẹp trong tương tác xã hội.

**3.2. Thông qua một số tình huống** (xem bảng 3)

**Bảng 3. Kết quả mặt thể hiện bản thân của SV Trường ĐHSPTPHCM thông qua một số tình huống**

Tình huống	Lựa chọn	Tỉ lệ %	TB	Mức độ	Thứ bậc
B1. Thái độ, ứng xử trong quan hệ bạn bè	Luôn cố gắng làm mình trở nên nổi bật hơn	20,1	2,60	Cao	1
	Hòa đồng với mọi người	70,2			
	Hoàn toàn mờ nhạt	9,7			
B2. So sánh bản thân với bạn bè cùng lớp	Bản thân hơn hẳn về mọi mặt	4,5	2,46	Khá	2
	Hầu hết mọi người đều tài giỏi hơn	24,6			
	Mỗi người đều có những ưu điểm và khuyết điểm riêng	70,9			
B3. Trong một buổi họp mặt, anh/chị hầu như không quen biết ai cả	Tìm cách bắt chuyện, làm quen với mọi người	49,8	2,37	Khá	3
	Không chủ động bắt chuyện mà chỉ giao tiếp dè dặt khi có người đến làm quen	37,4			
	Cảm thấy không thoải mái và sẽ sớm rời khỏi buổi họp mặt ấy	12,8			
B4. Cách ứng xử khi gia đình cảm đoán điều gì đó vô lí	Nêu rõ chính kiến của mình để cha mẹ hiểu	60,5	2,33	Khá	4
	Tỏ rõ thái độ phản đối	27,7			
	Chấp nhận vì người lớn luôn	11,8			

	luôn đúng				
B5. Cách ứng xử khi phải gia nhập vào một tập thể mới	Dễ dàng hòa nhập và thích nghi với tập thể	44,3	2,32	Khá	5
	Mất rất nhiều thời gian mới có thể thích nghi được	43,2			
	Hoàn toàn không thích nghi được và cảm thấy rất lạc lõng	12,5			
B6. Khi học tập, làm việc theo nhóm, anh/chị	Cảm thấy rất khó khăn, gò bó khi phải làm việc với các thành viên khác	10,1	2,11	TB	6
	Tùy theo nhóm, có nhóm làm việc khá tốt, có nhóm không thể nào làm việc chung được	69,2			
	Rất hào hứng và luôn hợp tác để hoàn thành tốt công việc	20,8			

Trong các tình huống được đưa ra ở mặt thể hiện bản thân, tình huống B1 “thái độ, ứng xử trong quan hệ bạn bè” có điểm TB cao nhất xếp ở vị trí thứ nhất (TB = 2,60), thuộc mức cao. Ở tình huống này, 70,2% SV tỏ ra “hòa đồng với mọi người”; 20,1% “luôn cố gắng làm mình trở nên nổi bật hơn” và có 9,7% SV cho rằng họ “hoàn toàn mờ nhạt” trong các mối quan hệ.

Ở vị trí tiếp theo là các tình huống có điểm TB ở mức khá bao gồm tình huống B2 (TB = 2,46), B3 (TB = 2,37), B4 (TB = 2,33) và B5 (TB = 2,32). Tình huống có điểm thấp nhất ở mặt thể hiện bản thân là B6 (TB = 2,11), thuộc mức TB. Ở tình huống này, chỉ có 20,8% SV tỏ ra hào hứng và hợp tác để

hoàn thành tốt công việc; 69,2% SV cho biết còn tùy theo nhóm, có nhóm làm việc khá tốt, có nhóm không thể nào làm việc chung được và có 10,1% cảm thấy rất khó khăn, gò bó khi phải làm việc với các thành viên khác.

Các kết quả trên cho thấy SV có khả năng tự nhận thức và có thái độ đúng đắn với bản thân mình, song khả năng thể hiện bản thân trong nhóm, tập thể của SV vẫn còn hạn chế, cần được rèn luyện để phát triển hơn.

### 3.3. Kết quả tổng hợp (xem bảng 4)

Tổng điểm ở mặt này được tính dựa trên điểm của 16 ý hỏi, từ đó được chia thành 5 đẳng loại tương ứng với 5 mức độ, cụ thể:

**Bảng 4.** Mức độ biểu hiện mặt thể hiện bản thân của SV Trường ĐHSPTPHCM

Mức độ	Xếp loại biểu hiện	Tổng điểm	Tần số	Tỉ lệ %
5	Cao	≥57,6	19	3,3
4	Khá	47,2 đến cận 57,6	260	45,1
3	Trung bình	36,8 đến cận 47,2	222	38,5
2	Thấp	26,4 đến cận 36,8	46	7,9
1	Rất thấp	<26,4	30	5,2

\* Trung bình tổng điểm ở mặt thể hiện bản thân trên toàn mẫu 577 SV là 45,5

Kết quả tổng hợp chung: Tổng điểm ở mặt thể hiện bản thân được tính từ điểm của 16 ý hỏi và được chia thành các mức độ tương ứng như mô tả ở bảng 4.

Kết quả cho thấy chỉ có 3,3% SV có điểm số ở mặt thể hiện bản thân ở mức cao; 45,1% SV ở mức khá; 38,5% ở mức TB. Tỉ lệ SV ở mức khá thấp là 7,9% và mức thấp là 5,2%. TB tổng điểm ở mặt này là 45,5 thuộc mức TB.

Như vậy, các kết quả nghiên cứu đã cho thấy mặt thể hiện bản thân trong TTXH của SV Trường ĐHSPTPHCM ở mức TB và có khuynh hướng thiên về mức khá.

#### 4. Kết luận và kiến nghị

##### 4.1. Kết luận

Kết quả khảo sát đã cho thấy sự thể hiện, xây dựng hình ảnh bản thân một cách hiệu quả, phù hợp với các tình huống tương tác xã hội của SV Trường ĐHSPTPHCM ở mức TB và có khuynh hướng thiên về mức khá.

##### 4.2. Kiến nghị

Trường ĐHSPTPHCM cần chú ý đến việc rèn luyện mặt thể hiện bản thân trong TTXH cho SV bằng cách:

- Quan tâm đúng mức đến vấn đề thể hiện bản thân của SV, từ đó giúp SV có ý

thức về tầm quan trọng của việc rèn luyện khả năng thể hiện bản thân phù hợp với vai trò và vị trí xã hội của bản thân trong các tương tác xã hội.

- Xây dựng hệ thống tiêu chí đánh giá chất lượng SV một cách hệ thống, toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế, lưu ý đánh giá hoạt động rèn luyện và thể hiện các nét nhân cách đặc trưng nhằm đáp ứng yêu cầu của lao động sự phạm.

- Đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, đảm bảo cân đối giữa lí thuyết và thực hành, giữa lí luận và thực tiễn, đặc biệt cần chú trọng đến các môn học giúp SV rèn luyện khả năng tự ý thức và thể hiện bản thân đúng đắn, phù hợp.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động cụ thể, thiết thực như các hội thảo chuyên đề, sinh hoạt ngoại khóa, các hoạt động giao lưu, thực tập, thực tế; đẩy mạnh hoạt động của phòng tham vấn học đường nhằm hỗ trợ SV, các lực lượng giáo dục trong quá trình giáo dục và tự giáo dục thông qua các buổi tham vấn, truyền thông hoặc tổ chức các khóa học về định hướng giá trị, kĩ năng tự nhận thức, tự thể hiện bản thân phù hợp với văn hóa, môi trường xã hội...

---

**Ghi chú:** Bài báo được trích từ Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học: “Trí tuệ xã hội của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh”, bảo vệ tháng 11-2013.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Daniel Goleman (2008), *Trí tuệ xã hội*, Nxb Lao động – Xã hội.
2. Nguyễn Công Khanh (2011), “Trí tuệ xã hội và các mô hình cấu trúc trí tuệ xã hội”, *Tạp chí Khoa học giáo dục*, (71).
3. Phạm Thành Nghị (2011), *Giáo trình Tâm lý học giáo dục*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Karl Albrecht (2006), *Social intelligence: The new science of success*, Jossey-Bass, A Wiley Imprin.
5. Tony Buzan (2002), *The power of social intelligence*, Harper Collins Publishers, Inc.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 25-12-2013; ngày phản biện đánh giá: 05-01-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 07-01-2014)